

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng, mã số 7510103, hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 17/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021 TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế 60/QĐ-ĐHTĐ ngày 25/05/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Xây dựng và Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh và ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng, mã số 7510103, hình thức đào tạo chính quy, bao gồm: Bản Mô tả chương trình đào tạo; Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; Khung chương trình đào tạo và Bộ đề cương chi tiết học phần (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng cho đào tạo sinh viên đại học chính quy từ khóa 16 (nhập học từ năm học 2025-2026).

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng khoa Xây dựng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT, QLCL, Khoa.



PGS,TS. Lê Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo quyết định số 2017 QĐ-ĐHTĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông)

TT	Mã HP	Tên Học Phần		Số TC	HK	Phân tiết				Học phần tiên quyết (mã HP)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			LT	TH/ TL	Tự học	TT ngoài trường	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương				43						
1.1. Nhóm học phần bắt buộc				41						
1	PML0071	Triết học Mác Lê Nin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	I	40	10	90		
2	EML0071	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	Political economics of Marxism and Leninism	2	II	25	10	60		PML0071
3	SSO0071	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	III	25	10	60		EML0071
4	HTH0071	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thought	2	III	25	10	60		SSO0071
5	HIS0071	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	2	IV	25	10	60		HTH0071
Ngoại ngữ: chọn 1 trong 2 ngoại ngữ sau: Tiếng Anh/ Tiếng Trung										
6	ENG10071 /CHI10071	Tiếng Anh cơ bản 1/Tiếng trung cơ bản 1	Basic English 1 /Basic Chinese 1	3	I	30	30	60		
7	ENG20071 /CHI20071	Tiếng Anh cơ bản 2/Tiếng trung cơ bản 2	Basic English 2 /Basic Chinese 2	3	II	30	30	90		ENG10071 /CHI10071
8	ENG30071 /CHI30071	Tiếng Anh cơ bản 3/Tiếng trung cơ bản 3	Basic English 3 /Basic Chinese 3	3	III	30	30	90		ENG20071 /CHI20071

9	ENG40071 /CHI40071	Tiếng Anh cơ bản 4/Tiếng trung cơ bản 4	Basic English 4/Basic Chinese 4	3	IV	30	30	90		ENG30071 /CHI30071
10	DTA0071	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Introduction to Digital Technology and Applications of Artificial Intelligence	4	I	40	40	120		
11	SSK0071	Kỹ năng mềm	Soft Skills	2	I	22	16	60		
12	DID0071	Kỹ thuật soạn thảo và ban hành văn bản	Technical drafting- and issuance of documents	2	II	22	16	60		
13	RME0071	Phương Pháp NCKH	Research Methods	2	III	22	16	60		
14	SUP0071	Khởi nghiệp	Start-up	2	II	18	24	60		
15	AMA10071	Toán cao cấp 1	Advanced Math 1	3	I	30	30	90		
16	AMA20071	Toán cao cấp 2	Advanced Math 2	3	II	30	30	90		
1.2. Nhóm học phần tự chọn (chọn 2/4)				2						
17	GLA0071	Pháp luật đại cương	General Laws	2	I	20	20	60		
18	GPH0071	Vật lý đại cương	General Physic	2	I	20	20	60		
1.3 Nhóm học phần điều kiện(không tính vào khối lượng CTDH)				11						
19	PHE10071	Giáo dục thể chất	Physical Education	3	I					
	II									
	III									
20	SME10071	Giáo dục quốc phòng- An ninh	Security-Military Education	8	I					
	II									
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:				107						
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành				50						
2.1.1.Nhóm học phần bắt buộc:				46						
21	ICE0871	Nhập môn ngành Xây Dựng	Introduction to Civil Engineering	1	II	10	10	30		
22	TME0871	Cơ học lý thuyết	Theoretical Mechanics	3	II	30	30	90		
23	TDR0871	Hình họa-Vẽ kỹ thuật	Technical Drawing	3	II	30	30	90		
24	GEO0871	Trắc địa	Geodesy	3	IV	30	30	90		

25	GEP0871	Thực tập trắc địa	Geodesy Practicum	2	IV		90	60	90	GEO0871
26	CMA0871	Vật liệu xây dựng	Construction Materials	3	IV	30	30	90		
27	GEN0871	Địa chất công trình	Geotechnical Engineering	3	III	30	30	90		
28	GEP0871	Thực tập địa chất công trình	Geotechnical Engineering Practicum	2	III		90	60	90	GEN0871
29	SMA10871	Sức bền vật liệu 1	Strength of Materials 1	3	III	30	30	90		TME0871
30	SMA20871	Sức bền vật liệu 2	Strength of Materials 2	3	IV	30	30	90		SMA10871
31	SME10871	Cơ học kết cấu 1	Structural Mechanics 1	3	IV	30	30	90		SMA20871
32	SME20871	Cơ học kết cấu 2	Structural Mechanics 2	3	V	30	30	90		SME10871
33	ACS0871	Tin học ứng dụng trong xây dựng	Applied Computer Science	3	V	30	30	90		TDR0871
34	SOM0871	Cơ học đất	Soil Mechanics	3	IV	30	30	90		GEN0871
35	CSA0871	An toàn lao động trong xây dựng	Construction Safety	2	VIII	20	20	60		CTE20871
36	ENC0871	Môi trường trong xây dựng	Environmental Engineering in Construction	2	VIII	20	20	60		
37	LCO0871	Luật pháp trong xây dựng	Construction Law	2	VI	20	20	60		
38	WPR0871	Thực tập công nhân	Workplace Practicum	2	VI		90	60	90	
2.1.2. Nhóm học phần tự chọn: (chọn 4/12)				4						
39	DSS0871	Ổn định và động lực học công trình	Structural Stability and Dynamics	2	VI	20	20	60		SME20871
40	ELE0871	Kỹ thuật điện	Electrical Engineering	2	VI	20	20	60		
41	WSS0871	Cấp thoát nước	Water Supply and Drainage	2	VI	20	20	60		
42	IEN0871	Kỹ thuật hạ tầng	Infrastructure Engineering	2	VI	20	20	60		
43	CTE0871	Thí nghiệm công trình	Construction Testing	2	VI	20	20	60		CMA0871

44	CTM0871	Máy xây dựng	Construction Machinery	2	VI	20	20	60		
2.2. Khối kiến thức ngành, chuyên ngành				44						
2.2.1 Nhóm học phần bắt buộc:				38						
45	FDS0871	Cơ sở thiết kế công trình DD & CN	Fundamentals of Design for Civil and Industrial Structures	3	V	30	30	90		
46	RCS10871	Kết cấu bê tông cốt thép 1	Reinforced Concrete Structures 1	3	VI	30	30	90		SMA20871
47	DRS10871	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 1	Design Project for Reinforced Concrete Structures 1	1	VI		30	30		RCS10871
48	RCS20871	Kết cấu bê tông cốt thép 2	Reinforced Concrete Structures 2	3	VII	30	30	90		RCS10871
49	DRS20871	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 2	Design Project for Reinforced Concrete Structures 2	1	VII		30	30		RCS20871
50	SST10871	Kết cấu thép 1	Steel Structures 1	3	VI	30	30	90		SMA20871
51	SST20871	Kết cấu thép 2	Steel Structures 2	3	VII	30	30	90		SST10871
52	PSS0871	Đồ án kết cấu thép	Design Project for Steel Structures	1	VII		30	30		SST20871
53	FOU0871	Nền và móng	Foundation Engineering	3	V	30	30	90		SOM0871
54	FOU0871	Đồ án nền và móng	Foundation Design Project	1	V		30	30		FOU0871
55	ART0871	Kiến trúc công trình	Architectural Engineering	3	V	30	30	90		
56	CTE10871	Kỹ thuật thi công 1	Construction Techniques 1	3	VII	30	30	90		RSC20871
57	CTE20871	Kỹ thuật thi công 2	Construction Techniques 2	3	VIII	30	30	90		CTE10871
58	CEP0871	Đồ án kỹ thuật thi công	Construction Engineering Project	1	VIII		30	30		CTE20871
59	CMA0871	Tổ chức thi công	Construction Management	3	VIII	30	30	90		CTE20871

60	PMA0871	Đồ án tổ chức thi công	Construction Management Project	1	VIII	30	30		CMA0871
61	CEE0871	Kinh tế xây dựng	Construction Economics	2	VIII	20	20	60	CMA0871
2.2.2. Các học phần tự chọn (chọn 6/12)				6					
62	RSS0871	Sửa chữa gia cố công trình	Repair and Strengthening of Structures	2	VII	20	20	60	CTE20871
63	HRS0871	Kết cấu nhà cao tầng	High-Rise Structure	2	VII	20	20	60	RCS20871
64	HEN0871	Thủy lực công trình	Hydraulic Engineering	2	VII	20	20	60	
65	CES0871	Dự toán xây dựng	Construction Cost Estimating	2	VII	20	20	60	CMA0871
66	PRM0871	Quản lý dự án xây dựng	Construction Project Management	2	VII	20	20	60	CMA0871
67	HRC0871	Thi công nhà cao tầng	High-Rise Construction	2	VII	20	20	60	CTE20871
2.3 Nhóm học phần tốt nghiệp				13					
2.3.1 Thực tập nghề nghiệp				4					
68	GRI0871	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	4	IX	180	120	180	
2.3.2 Đồ án tốt nghiệp				9					
69	GRP0871	Đồ án tốt nghiệp	Graduation Project	9	IX	450	300		
Tổng cộng số TC				150					
Tổng số tín chỉ bắt buộc 138, tổng số tín chỉ tự chọn 12									

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Văn Hùng

**KHOA XÂY DỰNG
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

TS. Đỗ Hồng Thắng